

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay, tương đồng với xu hướng điều chỉnh ở các thị trường trong khu vực

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm nhẹ, trái ngược với diễn biến điều chỉnh nhẹ ở thị trường cơ sở

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

HVN, POW

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh mua từng phần trong những nhịp điều chỉnh

14/07/2020

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 868.11 | -0.07 |
| VN30 | 805.37 | -0.10 |
| HĐTL VN30F1M | 804.20 | +0.15 |
| HNXIndex | 116.14 | +0.42 |
| HNX30 | 219.03 | +0.41 |
| UPCoM | 56.94 | -0.59 |
| USD/VND | 23,185 | +0.06 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.81 | -7 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.18 | +8 |
| Dầu (WTI, \$) | 39.79 | -0.77 |
| Vàng (LME, \$) | 1,798.70 | -0.23 |

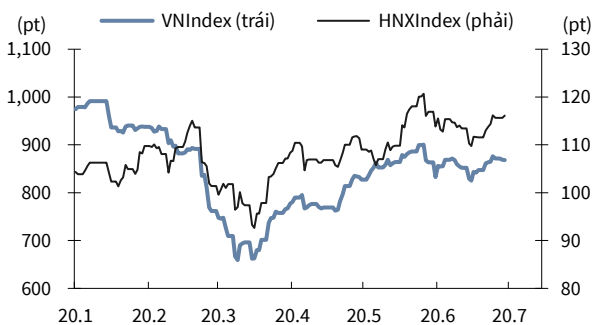


Điểm nhấn thị trường

| | |
|------------------------------------|------------------------|
| VNIndex | 868.11 (-0.07%) |
| KLGD (triệu CP) | 205.3 (+3.1%) |
| GTGD (triệu US\$) | 175.4 (-6.4%) |
| HNXIndex | 116.14 (+0.42%) |
| KLGD (triệu CP) | 32.2 (+10.1%) |
| GTGD (triệu US\$) | 13.6 (+8.3%) |
| UPCoM | 56.94 (-0.59%) |
| KLGD (triệu CP) | 12.4 (-10.1%) |
| GTGD (triệu US\$) | 7.2 (+7.0%) |
| NĐTNN mua ròng (triệu US\$) | -4.2 |

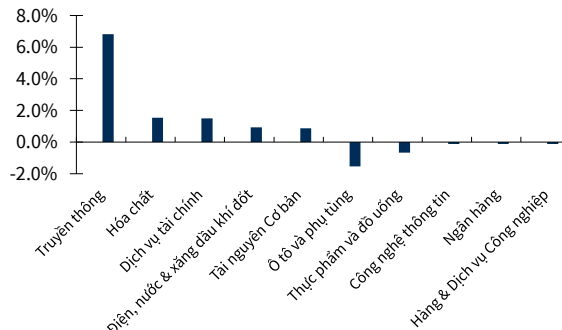
TTCK Việt Nam giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay, tương đồng với xu hướng điều chỉnh ở các thị trường trong khu vực, trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng trước số ca nhiễm mới Covid-19 toàn cầu gia tăng, và căng thẳng Mỹ - Trung leo thang. Khảo sát của NHNN cho thấy các ngân hàng thương mại nhìn nhận rủi ro nợ xấu đang ở mức cao, khiến nhóm cổ phiếu ngân hàng diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung như VPB (-0.7%), TCB (-1%). Cổ phiếu chứng khoán tăng điểm trên diện rộng ở SSI (+4.7%), HCM (+1.8%) trước kỳ vọng KQKD Q2 tới đây được công bố tăng trưởng mạnh. Thông tin Thủ tướng Chính phủ đồng ý khôi phục đường bay Việt Nam- Trung Quốc giúp cổ phiếu hàng không giao dịch tích cực ở HVN (+0.6%), ACV (+0.9%). Cổ phiếu dệt may tăng điểm đồng loạt ở TCM (+2.2%), MSH (+0.5%) trước kỳ vọng vào hiệp định EVFTA sẽ có hiệu lực vào đầu tháng tới. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VRE (-0.4%), MBB (-0.3%), MSN (-1.1%).

VNIndex & HNXIndex



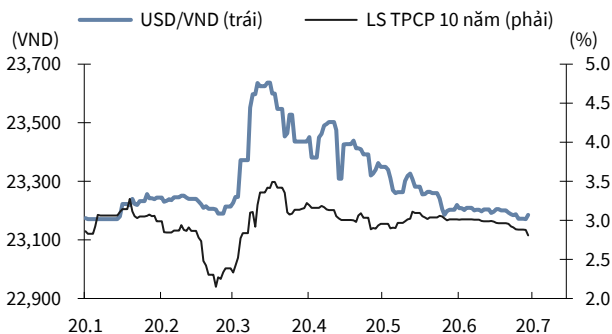
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



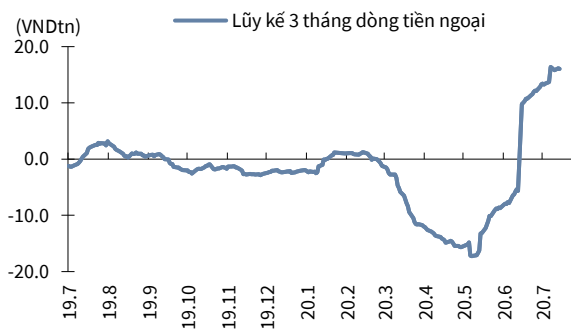
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



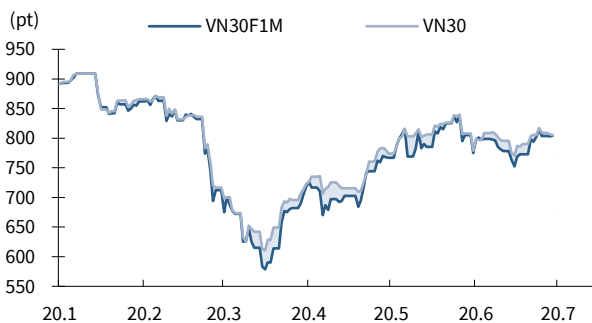
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|------------------------|
| VN30 | 805.37 (-0.10%) |
| VN30F1M | 804.2 (+0.15%) |
| Mở cửa | 799.5 |
| Cao nhất | 805.2 |
| Thấp nhất | 792.3 |
| KLGD (HĐ) | 199,716 (-1.4%) |

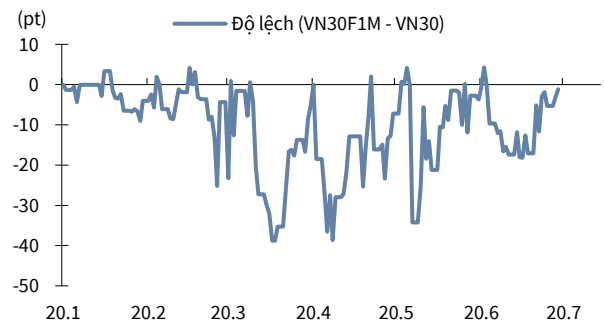
Các HĐTL tăng điểm nhẹ, trái ngược với diễn biến điều chỉnh nhẹ ở thị trường cơ sở, trong bối cảnh nhà đầu tư nội gia tăng vị thế long khi thị trường cơ sở chứng kiến sự phục hồi mạnh vào cuối phiên. Chênh lệch F2007 và VN30 mở cửa ở mức -6.37 và ngày lập tức lao xuống mức thấp nhất trong ngày -9.97 dưới áp lực suy yếu của chỉ số cơ sở, trước khi phục hồi nhẹ và giao động chủ yếu quanh biên độ -4 đến -6 điểm. Diễn biến phục hồi của thị trường cơ sở trong phiên chiều kích thích nhà đầu tư nội gia tăng vị thế long, giúp chênh lệch thu hẹp và đóng cửa ở -1.17 điểm. NĐTNN tiếp tục bán ròng ở F2007. Thanh khoản thị trường giữ ở mức trung bình và đã xuất hiện nhiều hơn giao dịch ở F2008, khi mà F2007 sẽ đáo hạn vào thứ 5 tới đây.

HĐTL VN30F1M & VN30



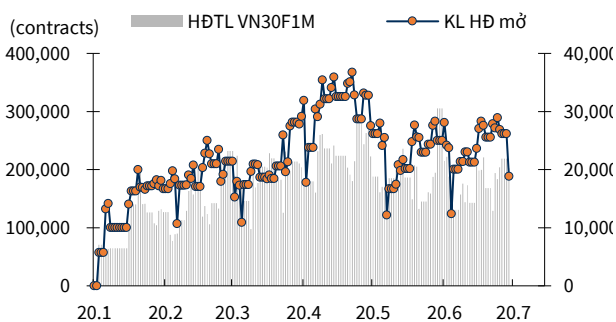
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



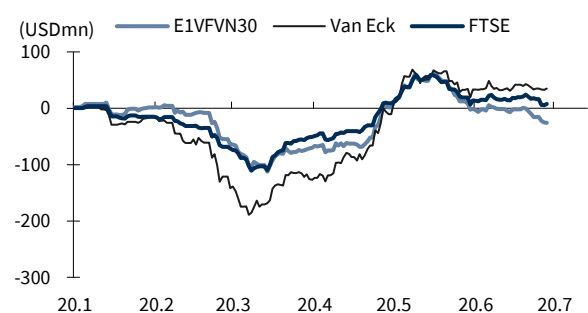
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

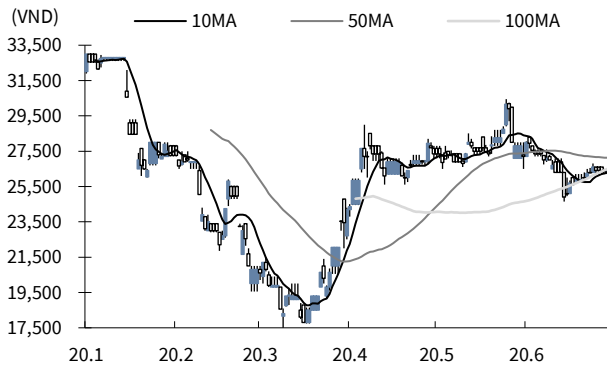
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

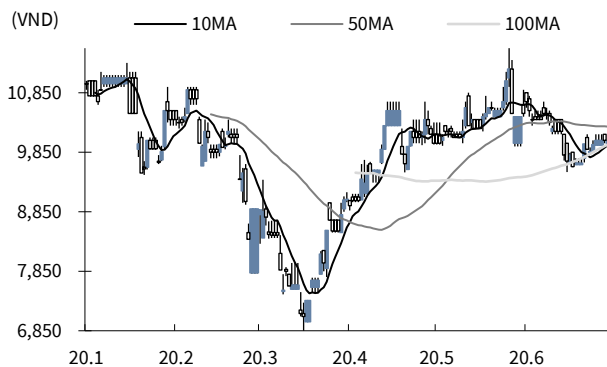
Vietnam Airlines (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN tăng 0.6% lên 26,400 VNĐ/cp.
- CEO HVN, ông Dương Trí Thành, cho biết doanh nghiệp ước tính sẽ lỗ 13,000 tỷ đồng và dòng tiền thâm hụt 16,000 tỷ đồng trong năm 2020. Ông cũng cho biết kể từ cuối tháng 8 tới đây, HVN sẽ gặp khó khăn nghiêm trọng về dòng tiền. Qua đó, ông Thành đề nghị Chính phủ, với vai trò là chủ sở hữu, hỗ trợ khẩn cấp 12,000 tỷ đồng cho HVN.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW đóng cửa ở 10,050 VNĐ/cp.
- Theo bản tin gửi nhà đầu tư, POW ghi nhận sản lượng điện tháng 6/2020 gần 1,858 triệu kWh (tương đương 101% kế hoạch tháng). Doanh thu đem về đạt gần 2,526 tỷ đồng (tương đương 88% kế hoạch tháng).
- Như vậy, lũy kế 6 tháng đầu năm, POW đạt doanh thu ở mức 15,524 tỷ (tương đương 46% kế hoạch năm), và sản lượng điện khai thác ở mức 10,903 triệu kWh (tương đương 51% kế hoạch năm).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

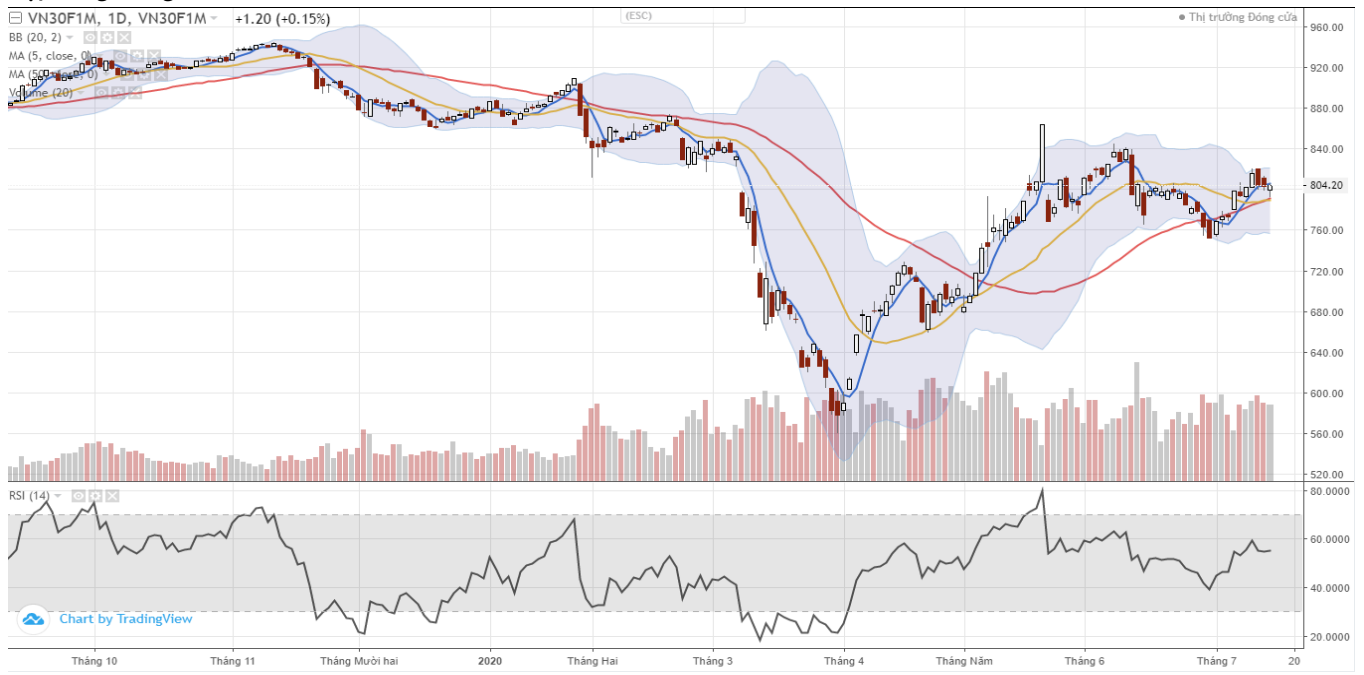
- VNIndex tiếp tục điều chỉnh vào đầu phiên trước khi hồi phục về cuối phiên với lực cầu bắt đáy gia tăng.
- Chúng tôi cho rằng vùng hỗ trợ quanh 855 (+-5) đã bắt đầu phát huy tác dụng, giúp áp lực phân phối được hấp thụ tốt. Tín hiệu này mở ra cơ hội cho khả năng sớm quay lại đà hồi phục của thị trường mặc dù diễn biến giằng co sẽ còn tiếp diễn tại vùng kháng cự gần quanh 873.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh mua từng phần trong những nhịp điều chỉnh.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp điều chỉnh vào nửa đầu phiên, VN30 và F1 cũng cho tín hiệu đảo chiều hồi phục với lực mua gia tăng vào cuối phiên.
- - Vùng hỗ trợ quanh 795 đã bắt đầu phát huy tác dụng, giúp hình thành mẫu Pin bar rút chân. Tín hiệu này mở ra cơ hội cho khả năng sớm quay lại đà hồi phục của thị trường mặc dù diễn biến giằng co sẽ còn tiếp diễn tại vùng kháng cự gần quanh 810.
- NĐT được khuyến nghị có thể đóng 1 phần vị thế LONG đã mở khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự gần và chờ mở lại sau đó tại các điểm hỗ trợ trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

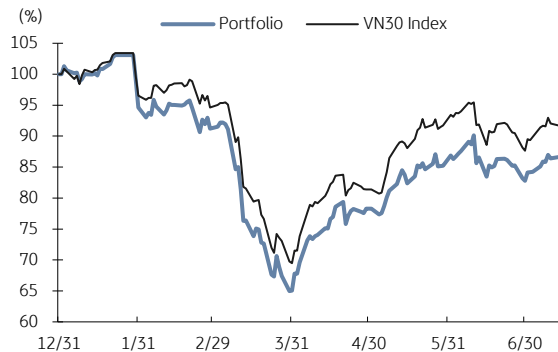
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.35% | -0.21% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -8.29% | -13.38% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 14/07/2020 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 82,800 | -0.1% | -28.6% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 25,500 | -1.4% | -12.1% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 59,300 | -1.0% | -42.0% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Military Bank (MBB) | 18/12/2018 | 17,200 | -0.3% | -19.2% | - NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 32,900 | 2.8% | -3.2% | - Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 48,650 | 1.8% | 14.9% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 01/31/2020 | 23,950 | 0.6% | -1.8% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| Vietjet (VJC) | 05/02/2019 | 108,000 | 0.0% | -16.4% | - Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 27,650 | -0.4% | 17.9% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbaco City Development (KBC) | 09/03/2020 | 14,500 | 0.3% | 5.8% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | 0.9% | 0.0% | 13.5 |
| KDC | -0.5% | 0.0% | 11.9 |
| DHC | 2.5% | 0.0% | 10.1 |
| VCB | 0.1% | 0.0% | 6.9 |
| VIC | 0.0% | 0.0% | 6.4 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VRE | -0.4% | 0.0% | -21.5 |
| MBB | -0.3% | 0.0% | -15.6 |
| MSN | -1.1% | 0.0% | -12.5 |
| CTG | 0.4% | 0.0% | -10.9 |
| CII | 0.6% | 0.0% | -9.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| WCS | 0.7% | 0.0% | 0.5 |
| VCS | 0.6% | 0.0% | 0.4 |
| DGC | -0.8% | 0.0% | 0.2 |
| CDN | 2.7% | 0.0% | 0.2 |
| SHE | -0.4% | 0.0% | 0.1 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| BVS | 2.0% | 0.0% | -3.2 |
| SHB | 0.0% | 0.0% | -0.2 |
| BAX | 0.7% | 0.0% | -0.1 |
| NBP | 3.9% | 0.0% | -0.1 |
| EID | -0.9% | 0.0% | -0.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 8.1% | YEG, PNC |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 4.8% | GEX, LGC |
| Dịch vụ tài chính | 4.2% | SSI, VCI |
| Ô tô và phụ tùng | 3.5% | TCH, SVC |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 3.3% | GAS, POW |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -0.8% | HPG, POM |
| Bán lẻ | -0.6% | MWG, PSH |
| Bất động sản | -0.4% | VRE, NVL |
| Dầu khí | -0.1% | PLX, PVD |
| Du lịch và Giải trí | 0.1% | VJC, DAH |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 7.8% | SSI, VCI |
| Truyền thông | 7.1% | YEG, PNC |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 6.2% | GEX, LGC |
| Tài nguyên Cơ bản | 5.6% | HPG, DHC |
| Xây dựng và Vật Liệu | 5.3% | CTD, VGC |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Bảo hiểm | -3.1% | BVH, BIC |
| Hóa chất | -2.4% | GVR, NHH |
| Du lịch và Giải trí | -1.9% | HVN, DAH |
| Bán lẻ | -0.4% | MWG, VPG |
| Ngân hàng | -0.2% | VCB, EIB |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtriệu, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 91,300 | 308,816 (13,320) | 38,022 (1.6) | 22.8 | 49.3 | 31.6 | 20.0 | 6.8 | 8.9 | 3.5 | 3.1 | 0.0 | 0.3 | -0.5 | -20.6 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 80,500 | 264,806 (11,421) | 137,997 (5.9) | 28.8 | 9.9 | 8.9 | 34.3 | 38.2 | 30.4 | 3.2 | 2.4 | 1.8 | -0.4 | 7.3 | -5.1 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 26,400 | 59,989 (2,587) | 55,607 (2.4) | 18.2 | 22.8 | 17.1 | 4.7 | 9.4 | 11.9 | 2.1 | 2.0 | -0.4 | -3.8 | 1.9 | -22.4 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 62,300 | 60,402 (2,605) | 67,964 (2.9) | 32.2 | 20.0 | 21.6 | -6.0 | 12.4 | 11.5 | 2.4 | 2.2 | -1.1 | -3.4 | 13.5 | 4.7 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 24,200 | 12,695 (548) | 12,803 (0.6) | 5.1 | 11.7 | 10.4 | 15.2 | 14.3 | 14.7 | 1.6 | 1.5 | 0.0 | 0.6 | 4.3 | -10.0 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 11,400 | 5,914 (255) | 41,257 (1.8) | 8.2 | 5.8 | 5.1 | -14.2 | 12.0 | 14.3 | 0.7 | 0.7 | 0.0 | -0.9 | -5.0 | -21.4 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 83,000 | 307,837 (13,277) | 66,072 (2.8) | 6.3 | 18.5 | 15.2 | 11.9 | 19.9 | 19.7 | 3.2 | 2.6 | 0.1 | -0.5 | -3.0 | -8.0 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 41,250 | 165,908 (7,156) | 36,323 (1.6) | 12.3 | 31.0 | 19.3 | -11.3 | 9.1 | 12.3 | 2.2 | 2.0 | -0.1 | 1.6 | -2.9 | -10.6 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 20,100 | 70,353 (3,034) | 25,415 (1.1) | 0.0 | 6.8 | 5.9 | 4.9 | 16.4 | 16.2 | 1.0 | 0.8 | -1.0 | -0.7 | -5.0 | -14.6 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 24,050 | 89,548 (3,862) | 88,694 (3.8) | 0.0 | 13.4 | 9.9 | 16.4 | 10.1 | 12.0 | 1.1 | 1.0 | 0.4 | 2.6 | 3.2 | 15.1 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,200 | 54,118 (2,334) | 57,205 (2.5) | 0.0 | 7.0 | 5.8 | 0.4 | 16.5 | 16.7 | 1.1 | 0.9 | -0.7 | 2.3 | -3.9 | 11.0 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 17,150 | 41,356 (1,784) | 57,736 (2.5) | 0.0 | 5.3 | 4.5 | 7.8 | 18.5 | 18.2 | 0.9 | 0.8 | -0.3 | 0.3 | -2.8 | -17.5 |
| | HDB | HDBANK | 26,700 | 25,790 (1,112) | 26,284 (1.1) | 9.4 | 7.6 | 6.1 | 10.2 | 20.6 | 21.5 | 1.1 | 0.9 | 0.2 | 2.7 | -0.7 | -3.1 |
| | STB | SACOMBANK | 11,550 | 20,832 (899) | 136,114 (5.9) | 14.8 | 11.5 | 7.4 | 10.6 | 6.8 | 10.0 | 0.7 | 0.6 | 0.9 | 0.9 | -2.1 | 14.9 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 21,700 | 17,720 (764) | 1,583 (0.1) | 0.0 | 7.2 | 4.8 | 34.0 | 22.5 | 20.9 | 1.1 | - | -0.5 | 3.6 | 3.3 | 3.1 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 17,000 | 20,900 (901) | 1,884 (0.1) | 0.0 | 36.6 | 35.1 | -6.9 | 3.6 | 3.6 | 1.3 | 1.2 | -2.3 | -4.5 | -5.0 | -4.5 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 47,550 | 35,297 (1,522) | 25,668 (1.1) | 20.8 | 34.0 | 25.6 | -5.4 | 6.2 | 8.0 | 1.8 | 1.7 | 0.1 | 0.7 | -1.6 | -30.7 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,000 | 2,010 (087) | 2,743 (0.1) | 13.6 | - | - | - | 7.6 | 8.6 | 0.9 | 0.9 | -0.5 | -3.5 | -2.0 | -11.3 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 16,700 | 10,036 (433) | 80,377 (3.5) | 50.2 | 11.8 | 9.2 | -17.7 | 8.2 | 10.7 | 1.0 | 0.9 | 4.7 | 7.4 | 7.7 | 7.3 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 25,050 | 4,115 (177) | 16,964 (0.7) | 72.4 | 8.9 | 7.0 | -24.9 | 11.1 | 13.0 | 0.9 | 0.8 | 1.2 | 9.4 | 8.4 | -15.1 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 19,500 | 5,949 (257) | 40,106 (1.7) | 47.9 | 13.3 | 8.3 | -22.5 | 11.0 | 17.1 | 1.3 | 1.2 | 1.8 | 1.0 | 1.3 | -8.7 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 13,500 | 2,815 (121) | 6,665 (0.3) | 13.1 | 12.1 | 7.6 | -19.1 | 7.4 | 11.2 | 0.8 | 0.8 | 1.5 | 2.7 | 4.7 | -6.3 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 115,200 | 200,607 (8,652) | 104,449 (4.5) | 41.2 | 20.0 | 18.6 | 4.6 | 37.5 | 38.3 | 6.7 | 6.0 | 0.3 | -0.7 | -2.4 | -1.1 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 195,000 | 125,050 (5,394) | 20,840 (0.9) | 36.7 | 30.7 | 25.5 | 1.2 | 21.5 | 23.8 | 6.1 | 5.3 | -2.5 | 5.3 | 13.4 | -14.5 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 56,000 | 65,461 (2,823) | 67,238 (2.9) | 10.1 | 40.9 | 24.9 | -45.4 | 4.1 | 7.5 | 1.5 | 1.4 | -1.1 | -1.8 | -4.3 | -0.9 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 15,400 | 17,072 (736) | 6,077 (0.3) | 48.7 | - | - | - | - | - | - | - | -0.3 | 0.3 | -0.6 | 10.8 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 108,000 | 56,575 (2,440) | 38,704 (1.7) | 11.9 | 33.1 | 13.3 | -42.5 | 9.6 | 24.2 | 3.5 | 3.8 | 0.0 | -0.3 | -4.8 | -26.1 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 19,300 | 5,731 (247) | 3,728 (0.2) | 0.0 | 14.9 | 13.3 | -54.2 | 6.9 | 7.7 | 1.0 | 0.9 | 0.0 | 0.8 | -2.5 | -17.2 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 18,250 | 4,359 (188) | 22,448 (1.0) | 31.9 | 12.8 | 13.6 | 105.5 | 7.7 | 7.0 | 0.9 | 0.9 | 0.6 | 0.3 | -6.4 | -18.9 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,010 | 1,708 (074) | 36,886 (1.6) | 47.1 | - | - | - | - | - | - | - | 0.0 | 0.3 | 0.0 | -82.6 |
| | GEX | VIETNAM ELECTRIC | 21,750 | 10,222 (441) | 34,774 (1.5) | 33.5 | 14.0 | 11.0 | -16.2 | 11.7 | 13.9 | 1.5 | 1.5 | 5.6 | 25.4 | 30.2 | 12.4 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 80,200 | 6,119 (264) | 57,344 (2.5) | 3.1 | 10.9 | 10.8 | -39.4 | 6.6 | 6.8 | 0.7 | 0.7 | -0.7 | 0.6 | 18.8 | 56.3 |
| | REE | REE | 32,900 | 10,201 (440) | 9,342 (0.4) | 0.0 | 6.5 | 5.6 | -5.9 | 14.1 | 14.5 | 0.9 | 0.8 | 0.0 | 3.3 | 6.8 | -9.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | PER (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 19E | 20E | | 19E | 20E | 19E | 20E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiền ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 72,200 | 138,187 (5,960) | 33,376 (1.4) | 45.7 | 19.0 | 14.5 | -20.1 | 15.2 | 19.5 | 2.8 | 2.7 | 1.1 | -0.3 | -3.2 | -22.9 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 23,100 | 6,650 (287) | 7,571 (0.3) | 30.8 | 9.2 | 8.5 | -2.0 | 16.9 | 18.9 | 1.6 | 1.4 | 3.8 | 3.4 | 11.9 | 6.7 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 25,100 | 8,047 (347) | 2,573 (0.1) | 32.6 | 9.0 | 9.3 | -10.7 | 15.4 | 14.4 | 1.3 | 1.3 | 2.0 | 1.6 | 4.8 | -6.7 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 27,900 | 77,034 (3,323) | 319,452 (13.8) | 12.9 | 8.8 | 6.9 | -0.5 | 18.2 | 19.6 | 1.4 | 1.2 | 0.9 | -1.6 | 5.3 | 18.7 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 14,900 | 5,831 (251) | 40,091 (1.7) | 38.1 | 9.7 | 10.0 | -0.7 | 8.8 | 8.1 | 0.7 | 0.7 | 1.7 | 3.8 | 4.6 | 15.1 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 9,060 | 4,796 (207) | 19,884 (0.9) | 47.1 | 11.2 | 24.7 | -14.7 | 7.8 | 3.5 | 0.8 | 0.8 | 1.2 | 3.0 | 7.6 | 39.4 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 11,800 | 5,243 (226) | 126,337 (5.4) | 37.5 | 9.3 | 8.4 | 20.0 | 9.9 | 9.8 | 0.8 | 0.7 | -0.4 | 0.0 | 7.3 | 58.6 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,450 | 2,131 (092) | 19,339 (0.8) | 96.8 | 6.5 | 7.4 | 37.9 | 13.4 | 10.4 | 0.7 | 0.6 | 0.0 | 0.8 | -2.4 | -2.0 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 46,400 | 55,950 (2,413) | 56,317 (2.4) | 5.5 | 39.2 | 16.2 | -34.7 | 7.1 | 15.3 | 2.3 | 2.0 | 0.0 | -0.2 | 2.7 | -17.1 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 10,500 | 4,422 (191) | 30,576 (1.3) | 37.2 | 45.3 | 26.0 | -19.6 | 1.0 | 0.9 | 0.3 | 0.3 | -0.5 | 1.4 | -2.3 | -30.2 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 10,500 | 2,955 (127) | 10,280 (0.4) | 25.4 | 7.0 | 5.9 | -19.1 | 8.9 | 9.9 | 0.5 | 0.5 | 1.0 | 0.5 | -2.3 | -37.5 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 82,900 | 37,539 (1,619) | 52,201 (2.3) | 0.0 | 9.3 | 7.7 | 15.3 | 30.0 | 29.5 | 2.4 | 1.9 | 0.1 | -1.0 | -3.6 | -27.3 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 59,300 | 13,350 (576) | 24,074 (1.0) | 0.0 | 14.9 | 12.2 | -1.9 | 21.5 | 24.2 | 2.6 | 2.4 | 0.0 | -0.2 | -0.3 | -31.0 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 57,900 | 1,708 (074) | 840 (0.0) | 69.3 | 24.3 | 17.7 | -28.1 | 6.7 | 8.5 | 1.5 | 1.5 | 6.8 | 8.2 | 5.7 | 56.5 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 24,300 | 1,919 (083) | 15,500 (0.7) | 13.9 | 12.1 | 11.1 | -31.7 | 11.8 | 12.1 | 1.4 | 1.2 | 0.0 | 1.3 | -5.4 | 15.4 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 53,000 | 7,181 (310) | 48,167 (2.1) | 38.8 | 6.7 | 6.5 | 30.3 | 38.0 | 32.7 | 2.3 | 2.0 | 1.5 | 0.0 | 4.5 | 38.7 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 93,700 | 12,251 (528) | 989 (0.0) | 45.5 | 18.9 | 17.5 | 4.6 | 19.4 | 19.3 | 3.4 | 3.2 | 0.9 | 0.3 | 3.5 | 2.4 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 62,000 | 4,651 (201) | 737 (0.0) | 37.9 | - | - | - | - | - | - | - | -1.7 | -3.6 | -1.3 | 14.2 |
| IT | FPT | FPT CORP | 48,550 | 38,059 (1,642) | 57,683 (2.5) | 0.0 | 11.1 | 9.5 | 18.3 | 24.1 | 25.2 | 2.4 | 2.1 | -0.2 | 2.3 | 3.3 | -4.2 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.